

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026

KHỐI MẪU GIÁO BÉ 3– 4 TUỔI

Căn cứ vào chương trình giáo dục của nhà trường năm học 2025 – 2026; Căn cứ vào cơ sở vật chất của khối, đặc điểm tình hình thực tế của trẻ. Khối mẫu giáo bé 3-4 tuổi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Chiều cao cân nặng				
1	Cân nặng Trẻ trai: 12,7 - 21,2 kg Trẻ gái: 12,3 - 21,5 kg Chiều cao Trẻ trai: 94,9 - 111,7cm Trẻ gái: 94,1 - 111,3cm			
b. Phát triển vận động				
2	Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân + Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Co duỗi chân	1->9	

3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp(3mx2,5m) + Đi kiễng gót liên tục 3 m	- Đi trong đường hẹp.	1, 2,3, 4, 8	
		- Đi kiễng gót - Bước lên, xuống bậc cao		
4	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường đích dắc không chệch ra ngoài. + Bật tại chỗ, Bật xa, Bật tiến về phía trước	- Đi/chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Bật xa. - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước.	2-> 9	
5	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với cô + Tự đập bắt bóng được 3 lần liên	- Lăn, đập, tung bắt bóng với cô - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc	1,2, 3, 6,7,8,9	
6	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng + Ném trúng đích ngang + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc	- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay - Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc - Bò chui qua cổng - Trườn về phía trước	1->9	
7	- Trẻ thực hiện được các cử động của bàn tay: + xoay tròn cổ tay + Gập, đan các ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay	2,4,6	
8	- Trẻ biết phối hợp được cử	- Đan tết.	1-> 9	

	động bàn tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu + Cắt thẳng được một đoạn 10m + Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ + Tự cài, cởi cúc áo	- Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ ngược ngoặc. - Cài, cởi cúc.		
c. Dinh dưỡng và sức khỏe				
9	- Trẻ nói đúng tên một thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật, tranh ảnh	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc	1,2,3,5,10	
10	- Trẻ biết gọi tên một số món ăn đơn giản hàng ngày.			
11	- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật: ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì..	2,3	
12	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, xúc miệng + Tháo tất, cởi quần áo...	- Làm quen với cách lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tháo tất, cởi quần áo... - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	2->3	
13	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	1,2	
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở:	- Trẻ có thói quen mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ, uống nước đun sôi. - Tập ăn nhiều rau, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, uống nước chín	1,2	
15	Trẻ có một số hành vi tốt	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh	4,5,6,7	

	trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	môi trường đối với sức khỏe con người - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Làm quen với cách đánh răng - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.		
16	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm,những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp + Không cưỡi đùa khi tham gia giao thông + Không thò đầu thò tay khi đi ô tô	3	
17	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.		8	
18	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cưỡi đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. + Không tự lấy thuốc uống + Không leo trèo bàn ghế, lan can + Không nghịch các vật sắc nhọn + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp		1,2,3,4, 5,7,8,9	
2, Lĩnh vực phát triển nhận thức * Khám phá khoa học				

19	- Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	5->8	
20	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Tên đặc điểm, công dụng của một số PTGT	2,3, 5->8	
21	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo: Xem sách, tranh ảnh, và trò chuyện về đối tượng.	- Hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. Gọi tên và nhận biết vài dấu hiệu rõ nét một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.	2, 5->8	
22	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.	1,3, 5->8	
23	- Trẻ nhận ra được một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. Cách chăm sóc và bảo vệ cây, con vật gần gũi. Tác hại của một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.	5,6	
24	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng	- Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối	8	
25	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật, đồ dùng đồ chơi, PTGT theo 1 dấu hiệu ;	1,5,6,7	

26	Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi các trò chơi - Hát các bài hát về cây, con vật... -Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.	1->9	
* Khám phá xã hội				
27	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện.	- Tên tuổi, giới tính của bản thân.	2	
28	- Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình.	3	
29	- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.			
30	- Nói được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường	1	
31	- Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựngkhi được hỏi, xem tranh	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.- Mọi nghề thì người làm nghề đều bình đẳng như nhau không xem trọng nam hay nữ.	4	
32	- Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, lễ hội thành bản phủ, lễ hội hoa ban...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương: lễ hội thành bản phủ, lễ hội hoa ban....	1,2,3,8	
33	- Nói được tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.		9	
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				

34	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	1,2,3,4,5,6	
35	- Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.			
36	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều - Xếp tương ứng 1-1, Ghép đôi	1, 2	
37	- Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	2,3,4,5,6,7,8	
38	- Biết tách một nhóm có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm .	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		
39	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ	5,6	
40	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ to hơn/nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn;bằng nhau.	- So sánh hai đối tượng về kích thước.	3,4,5,6,7,8	
41	- Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế - Sử dụng các hình hình học để ghép	1,4,7	

42	- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	8,9	
3, Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
43	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	3,4,7	
44	- Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa quả....	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.	1, 2,3,4,8	
45	- Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.	1->9	
46	- Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng việt. - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai, cái gì, ở đâu, khi nào, để làm gì?	1->9	
47	- Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	8.9	
48	- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	1 ->7	
49	- Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc.	6	
50	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè	1->9	

51	- Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại 1 vài tình tiết của truyện đã được nghe	4,5,6,7,8,9	
52	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của các nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.	8	
53	- Trẻ biết sử dụng các từ "Vâng ạ" "Dạ" "Thưa"...trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp	8,9	
54	-Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.			
55	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Cầm sách đúng chiều mở sách xem tranh và "đọc" truyện - Giữ gìn sách. - Làm quen với cách đọc tiếng việt: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu.	7->9	
56	- Thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc	- Làm quen cách viết tiếng việt: Hướng viết các nét chữ, tô, đồ các nét cơ bản của chữ cái	9	
57	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống(Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...) phân biệt theo quy định nhà vệ sinh nam, nữ - Xem tranh, tranh truyện minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	1,3,5,7,8	

4, Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
58	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ phòng tránh bị người cùng giới, khác giới xâm hại, và biết yêu cầu sự giúp đỡ của người lớn khi có dấu hiệu bị xâm hại.	2	
59	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích	2	
60	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động của lớp - Hăng hái phát biểu ý kiến, trả lời câu hỏi của cô - Tích cực trong các hoạt động học tập, vui chơi	1->9	
61	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao(chia giấy vẽ, xếp đồ chơi..)	- Hoàn thành công việc đơn giản ở lớp khi được giao.	4	
62	- Trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Bắt chước người lớn và các trẻ em lớn hơn	2	
63	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi; hát, vận động.	2.3	
64	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Hát các bài hát về Bác Hồ - Đọc các bài thơ, kể chuyện về Bác Hồ. - Trẻ biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi	9	
65	- Thích nghe kể truyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.			

66	- Trẻ thực hiện được 1 số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Nhận biết và thực hiện đúng quy định về chỗ ngủ riêng theo giới tính - Biết lễ phép với cô giáo, Yêu mến bố, mẹ, anh chị em ruột - Chờ đến lượt - Tiết kiệm điện nước.	1.3	
67	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) - Nhận biết hành vi " đúng" - "sai", " tốt"- " xấu"	4, 6,7,8	
68	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.			
69	- Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- chơi hòa thuận với bạn. - Mọi trẻ đều có thể vui chơi như nhau với các đồ chơi không phân biệt nam, nữ	1->9	
70	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối.	5,6,8	
71	- Biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường	4	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
72	- Trẻ vui sướng vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong	1,3,4,5, 6,7,9	

73	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1,2,4,5,8	
74	- Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát bản nhạc; Thích nghe đọc thơ, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc(nhạc thiếu nhi, dân ca)	1->9	
75	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1->9	
76	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc(Vỗ tay theo phách nhịp, vận động minh họa)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	2->9	
77	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát bản nhạc quen thuộc.	8	
78	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	4, 5,6	
79	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1->9	
80	- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.		1,4 ->.9	

81	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc 2 khối		2,3, 5	
82	Trẻ biết xếp chồng xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản		2	
83	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích	7, 8	
84	- Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình	9	
85	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình	7	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Tháng	STT	Chủ đề, thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	Điều chỉnh bổ xung
Tháng 9 3 tuần (Từ ngày (8/9 - > 26/9/2025)	1	Trường mầm non	Trường mầm non	1	Ngày hội đến trường	3
			Lớp học của bé	1		
			Đồ dùng đồ chơi của bé	1		
Tháng 10 4 tuần (Từ ngày 29/09 đến 24/10/2025)	2	Bản thân	Tết trung thu	1	Tết trung thu	4
			Bé giới thiệu về mình	1		
			Cảm xúc của bé	1		
			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
Tháng 11 4 tuần (Từ ngày 27/10 đến 21/11/2025)	3	Gia đình - Ngày hội 20/11	Ngôi nhà bé yêu	1	Ngày nhà giáo Việt Nam 20-11	4
			Những người thân yêu của bé	1		
			Đồ dùng gia đình	1		
			Ngày hội của cô giáo 20/11	1		
Tháng 11/12 4 tuần Từ ngày 24/11 đến ngày 19/12/2025	4	Bé thích làm nghề gì	Nghề nghiệp của bố, mẹ bé	1	Ngày thành lập QDNDVN	4
			Nghề xây dựng	1		
			Nghề làm ruộng	1		
			Chú bộ đội	1		
Tháng 1-12/2025 (4 tuần từ ngày 22/12/25 đến ngày 16/1/2026)	5	Những con vật em yêu	Một số vật nuôi trong gia đình	1		4
			Một số con vật sống trong rừng	1		
			Một số con vật sống dưới nước	1		
			Một số loài chim	1		
Tháng 1- 2 (5 tuần từ ngày 19/1 đến ngày 27/2/2026)	6	Thế giới thực vật - Tết nguyên đán, mùa xuân	Một số loại cây	1	Tết nguyên đán	5
			Một số loại hoa	1		
			Một số loại quả	1		
			Tết và mùa xuân	1		
			Một số loại rau	1		
Tháng 4 3 tuần từ ngày 2/3 đến ngày	7	Phương tiện giao thông	PTGT đường bộ	1		3
			Một số PTGT đường thủy	1		

27/3/2026			Một số PTGT đường hàng không.	1		
Tháng 4 (4 tuần từ ngày 30/3 đến ngày 17/4/2026)	8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên:	Một số hiện tượng tự nhiên	1	Lễ hội thành bản phủ - Đền Hoàng Công Chất	4
			Nước	1		
			Lễ hội thành bản phủ	1		
			Mùa hè	1		
Tháng 4-5 (4 tuần đến ngày 20/4 đến ngày 22/5/2026)	9	Quê hương - Đất nước- Bác Hồ- Tết thiếu nhi	Đất nước Việt Nam	1	Sinh nhật bác	4
			Quê hương Điện Biên	1		
			Bác Hồ kính yêu	1		
			Tết thiếu nhi	1		
		Cộng		35		

BAN GIÁM HIỆU

Cà Thị Thanh Huyền